

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 24/6/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Đình Nguyên.

2. Bà Võ Thị Thanh Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 10/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 02, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 03, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày:*

Vào ngày 23/10/2019 ông T có cho bà Nguyễn Thị Xuân D mượn số tiền là 32.000.000đ, không có lãi (theo quy định của Bộ luật dân sự đây là loại hợp đồng vay tiền không có lãi), để chuộc xe trong tiệm cầm đồ ra. Bà D có viết giấy hẹn trong vòng 60 ngày sẽ trả, đến hạn trả nợ ông T đòi nợ, bà D không trả mà còn có lời lẽ không hay đối với tôi, nay ông T khởi kiện yêu cầu tòa buộc bà D phải trả cho tôi 32.000.000đ nêu trên. Tôi không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D tại phiên tòa trình bày:*

Ông T tự nguyện cho bà D mượn (vay) số tiền 32.000.000đ, vào ngày 23/10/2019, thời hạn trả là 60 ngày. Vào ngày 10/2 âm lịch bà D có mang đến trả 7.000.000đ nhưng ông T không lấy nên có lời qua tiếng lại không hay. Nay bà D đồng ý trả cho ông T số tiền 32.000.000đ, nhưng theo phương thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, hoặc trong thời hạn 01 năm sẽ trả hết 32.000.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày và tranh luận của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân D có địa chỉ cư trú tại Tổ 03, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai yêu cầu bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy mượn tiền bà D đã cam kết cho ông T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về pháp luật áp dụng: Việc vay tiền của bà D và ông T diễn ra ngày 23/10/2019, hiện hai bên đang tranh chấp hợp đồng vay này nên áp dụng Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo chứng cứ là “Giấy mượn tiền” (bản gốc) đề ngày 23/10/2019 do nguyên đơn giao nộp thể hiện: Bà Nguyễn Thị Xuân D có mượn ông T số tiền 32.000.000đ và hẹn 60 ngày sẽ trả lại số tiền này. Trong giấy mượn tiền không thỏa thuận tiền lãi. bà D thừa nhận có vay và hiện còn nợ ông T số tiền như ông T khởi kiện. Như vậy, đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Xét thấy: giao dịch dân sự thể hiện trong “Giấy mượn tiền” đã được ông T, bà D xác lập ngày 23/10/2019 và đã được hai bên thừa nhận, theo quy định của Bộ luật dân sự thì là loại hợp đồng vay không có lãi, nhưng có kỳ hạn.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà D không trả tiền cho ông T, như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS; ông T khởi kiện để đòi lại khoản tiền này là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay bà D hứa trả dần số tiền nợ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ hôm nay bà D trả hết 32.000.000đ cho ông T. Điều này không được ông T chấp nhận nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận ý kiến này của bà D.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả cho ông T số tiền 32.000.000đ ( Ba mươi hai triệu đồng).

Ông T không yêu cầu trả lãi chậm trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp là 32.000.000đ. Bà D là người có nghĩa vụ trả số tiền này, nên buộc bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là  $5\% \times 32.000.000\text{đ} = 1.600.000\text{đ}$  ( Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn T số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

465, Khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm ngàn đồng*); ông Đỗ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004354 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A;
- Chi cục THADS. TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Long Sơn**